

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94** /2017/DS-ST

Ngày: 31/8/2017

V/v: “Tranh chấp nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Tân

Ông Trần Văn Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2017/TLST-DS ngày 08/6/2017 về việc “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thanh T**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số A6 khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Mỹ H**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: B3 Đại lộ Đ, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: B3 Đại lộ Đ, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Mỹ H, Ông Nguyễn Ngọc C ủy quyền cho ông **Nguyễn Bảo Q**, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp B, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bến Tre (theo giấy ủy quyền lập ngày 03/7/2017) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn bà T trình bày:

Do có quen biết nên bà có tham gia 14 dây hội do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ. Đến ngày 22/12/2016 (âm lịch) bà Hạnh tuyên bố bãi hội và đồng ý trả lại tiền vốn cho bà; cụ thể như sau:

- Dây 1: Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 01/10/2015 AL, tháng khai 01 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 9.130.000đồng.

- Dây 2: Hội 2.000.000 đồng, khai vào ngày 05/10/2016 AL, tháng khai 01 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 3.750.000đồng.

- Dây 3: Hội 3.000.000 đồng, khai vào ngày 10/01/2016AL, tháng khai 01 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 23.440.000đồng.

- Dây 4: Hội 5.000.000 đồng, khai vào ngày 28/5/2015 AL, tháng khai 01 lần, bà chơi 05 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 121.960.000đồng.

- Dây 5: Hội 3.000.000 đồng, khai vào ngày 20/7/2016, tháng khai 02 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 24.390.000đồng.

- Dây 6: Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 25/02/2016AL, tháng khai 01 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 15.000.000đồng.

- Dây 7: Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 01/10/2015AL, tháng khai 01 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 10.000.000đồng.

- Dây 8: Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 20/10/201AL, tháng khai 01 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 2.100.000đồng.

- Dây 9: Hội 2.000.000 đồng, khai vào ngày 10/02/2015AL, tháng khai 02 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 30.820.000đồng.

- Dây 10: Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 20/8/2015AL, tháng khai 01 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 27.725.000đồng.

- Dây 11: Hội 2.000.000 đồng, khai vào ngày 10/6/2016, tháng khai 02 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hội với số tiền là 27.500.000đồng.

- Dây 12: Hụi 3.000.000 đồng, khui vào ngày 20/7/2016AL, tháng khui 01 lần, bà chơi 01 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hụi với số tiền là 10.650.000đồng.

- Dây 13: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui vào ngày 15/9/2015 AL, tháng khui 01 lần, bà chơi 02 phần. Tính đến tháng 01/2017 bà đã đóng cho chủ hụi với số tiền là 63.225.000đồng.

- Dây 14: Hụi tháng 1.000.000 đồng, hụi chết bà phải đóng lại cho bà Hạnh 15.000.000 đồng.

Ngày 28/12/2016 bà Hạnh có làm giấy thối hụi thừa nhận có nợ bà số tiền 353.790.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng)

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 353.790.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà H và ông C đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H và ông C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 17/5/2017 bà Trần Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 353.790.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Bà H và ông C đang cư trú tại phường Phú Khương thành phố Bến Tre. Xét đây là vụ án tranh chấp nợ hụi xảy ra trên địa bàn thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải cho bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C nhưng bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Bảo Q (người được bà H, ông C ủy quyền) không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Bảo Q để tham gia phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Bảo Q.

[3] Tại tòa, nguyên đơn cho rằng bà có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, sau đó vào ngày 28/12/2016 hai bên đã thống nhất bà H còn nợ lại bà số tiền là 353.790.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng), hai

bên có làm giấy do bà H viết và ký tên. Nay bà yêu cầu bà H và ông C trả cho bà số tiền trên và không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu của bà T là phù hợp với qui định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Mỹ H là vợ chồng (đăng ký kết hôn tại UBND phường P, TPBT vào năm 2002). Ông C biết việc bà Hạnh làm chủ hội, bà H chỉ dùng số tiền thu được từ việc làm chủ hội vào sinh hoạt gia đình nên ông C cũng phải có trách nhiệm trả cho bà Thủy.

[5] Do bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải được để làm rõ số tiền nợ hội giữa hai bên. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt thông báo thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T trong đó đã thể hiện rõ số tiền mà bà T yêu cầu bà H và ông C phải trả nhưng bà H và ông C không có ý kiến. Điều này chứng tỏ bà H và ông C cũng thống nhất với số tiền mà bà T yêu cầu. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T đồng thời áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông C có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả cho bà T số tiền nêu trên.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 17.689.500 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng) bà H và ông C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 207, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định “Về Hộ, hội, biểu, phường” ;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thanh T số tiền 353.790.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.340.500 đồng (Tám triệu ba trăm bốn mươi ngàn năm trăm đồng) bà H và ông C phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Trần Thanh T số tiền 8.845.000 đồng (Tám triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0010898 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre .

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tân

Trần Văn Hồ

Nguyễn Duy Phong

